TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1453/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 31 - 10 -2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc

Bà Trần Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H *không tham gia phiên toà.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 711/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 251/7B đường T, ấp K, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Cao Thị M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 251/7B đường T, ấp K, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn lập ngày 25/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Anh T trình bày như sau:

Ông T và bà Cao Thị M tự nguyện chung sống năm 2004 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01, ngày 16/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình

chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà M quá nhiều bạn bè và hay có quan hệ lăng nhăng, thường xuyên tranh cãi làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà M;

Ông và bà M có 02 con chung tên Trần Nguyễn Xuân N, sinh ngày 20/6/2005 và Trần Nguyễn Xuân B, sinh ngày 20/6/2005. Ông yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T xác định ông và bà M có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xác định ông và bà M không có nghĩa vụ dân sự chung.

- Bị đơn bà Cao Thị M vắng mặt tại phiên tòa không gởi ý kiến cho Tòa án về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Anh T yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị M. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Cao Thị M cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về tố tụng:

Bà M đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bà M không đến tòa để tham gia tố tụng mà không rõ lý do vắng mặt. Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn bà Cao Thị M không có yêu cầu phản tố vắng mặt, không rõ lý do vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Cao Thị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông T và bà M tự nguyện chung sống năm 2004 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01, ngày 16/7/2004 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà M, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

- Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: Ông T xác định trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T nghi ngờ bà M quan hệ lăng nhăng,

thường xuyên tranh cãi làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ông T và bà M ly thân khoảng 01 năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà M.Việc bà M không đến Tòa án theo giấy triệu tập không có lý do vắng mặt hoặc đơn xin vắng mặt, điều này chứng minh bà M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà M có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà M là có cơ sở.

- Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Ông T và bà M có 02 con chung tên Trần Nguyễn Xuân N, sinh ngày 20/6/2005 và Trần Nguyễn Xuân B, sinh ngày 20/6/2005. Ông T yêu cầu nuôi 02 con chung, theo nguyện vọng của hai trẻ là mong muốn sống với ông T. Hội đồng xét xử xét nguyện vọng của hai trẻ và để ổn định tâm sinh lý cho 02 trẻ nên cần tiếp tục giao 02 trẻ Trần Nguyễn Xuân N, sinh ngày 20/6/2005 và Trần Nguyễn Xuân B, sinh ngày 20/6/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi hai con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông T xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà M không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Ông T xác định không có, bà M không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Anh T là được ly hôn với bà Cao Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01, ngày 16/7/2004 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Anh T và bà Cao Thị M không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao hai trẻ Trần Nguyễn Xuân N, sinh ngày 20/6/2005 và Trần Nguyễn Xuân B, sinh ngày 20/6/2005 cho ông Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung không cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông T xác định không có, Tòa án không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0032675 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. C;
- Chi cục THA DS C;
- UBND Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Châu Trinh